

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC-VĨNH LONG**

Bản án số: 82/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 18 - 9 - 2025.

V/v ly hôn giữa chị L và anh T.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Phụng.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Kim L, sinh năm 1998; nơi cư trú: Ấp H, xã P, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Ấp Q, xã B, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27 tháng 7 năm 2025 nguyên đơn chị Đỗ Thị Kim L trình bày: Chị và anh T quen biết nhau và đăng ký kết hôn năm 2022. Chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến, không còn tiếng nói chung và không còn quan tâm lẫn nhau, nên đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2024 đến nay. Do đó, chị L xin ly hôn với anh Trần Quốc T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Đỗ Ngọc H, sinh ngày 21/10/2023, khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Anh Trần Quốc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt anh có nêu ý kiến, thừa nhận lời trình bày của chị L là đúng, anh đồng ý tất cả các yêu cầu của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị Kim L và anh Trần Quốc T kết hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn đúng trình tự quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó đã sống ly thân, nên chị L có đơn yêu cầu xin được ly hôn với anh T, anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long, Tòa án nhân dân khu vực-Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Đồng thời, chị L và anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng khoản 1 khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo chứng cứ do chị L cung cấp có trong hồ sơ vụ án, thể hiện chị L và anh T có đăng ký kết hôn vào ngày 08 tháng 8 năm 2022. Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến việc chị L và anh T sống ly thân, anh T có đơn xin vắng mặt và thừa nhận mâu thuẫn giữa anh và chị L đã thật sự trầm trọng, do đó việc chị L yêu cầu được ly hôn với anh và anh T cũng đồng ý ly hôn là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 51; Điều 55 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh T chung sống với nhau có 01 người con chung tên Trần Đỗ Ngọc H, sinh ngày 21/10/2023, khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu Ngọc H là do chị L nuôi dưỡng và cháu H cũng còn nhỏ, anh T cũng đồng ý để cho chị L nuôi con. Do đó, giao con cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp, đúng với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình..

[4] Về cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình phải chịu tiền án phí, nên chị L phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 khoản 2 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị Kim L ly hôn anh Trần Quốc T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Đỗ Ngọc H, sinh ngày 21/10/2023 cho chị Đỗ Thị Kim L nuôi dưỡng.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với anh T, nhưng nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con đối với T.

3. Về án phí sơ thẩm:

Buộc chị Đỗ Thị Kim L nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) chị L đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, theo biên lai thu tiền số 0001637 ngày 07/8/2025, chị L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV-Vĩnh Long;
- Cơ quan THADS có thẩm quyền;
- UBND xã B, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hồ Thanh Hồng